**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: TOÁN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |
| 1 | Bất phương trình bậc hai một ẩn | Dấu của tam thức bậc hai | 2 | 2’ | 6 | 12’ | 2 | 6’ |  |  | 10 |  | 20’ | **40%** |
| Giải bất phương trình bậc hai một ẩn | 2 | 2’ | 3 | 6’ | 2 | 6’ |  |  | 7 |  | 14’ |
| Phương trình quy về phương trình bậc hai | 1 | 1’ | 2 | 4’ |  |  |  |  | 3 |  | 5’ |
| 2 | Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng | Tọa độ của vectơ. | 2 | 2’ | 2 | 4’ |  |  |  |  | 4 |  | 6’ | **60%** |
| Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ | 5 | 5’ | 3 | 6’ | 2 | 6’ |  |  | 10 |  | 17’ |
| Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ | 2 | 2’ | 2 | 4’ | 4 | 12’ |  |  | 8 |  | 18’ |
| Ba đường conic trong mặt phẳng tọa độ | 6 | 6’ | 2 | 4’ |  |  |  |  | 8 |  | 10’ |
| **Tổng** |  | **20** | **20’** | **20** | **40’** | **10** | **30’** |  |  | **50** |  | **90’** |  |
| **Tỉ lệ (%)** |  | **40%** | **40%** | **20%** |  |  |  |  | **100%** |
| **Tỉ lệ chung (%)** |  | **80%** | **20%** |  |  | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: TOÁN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng** **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| **1** | Bất phương trình bậc hai một ẩn | Dấu của tam thức bậc hai | **Nhận biết:*** Nhớ dạng tam thức bậc hai.
* Các bước xét dấu tam thức bậc hai.

**Thông hiểu*** Thực hiện xét dấu một tam thức bậc hai.
* Mối quan hệ giữa đồ thị hàm bậc hai và dấu của tam thức bậc hai.

**Vận dụng:** * Tìm m dể tam thức đổi dấu hay không đổi dấu.
* Vận dụng vào bài toán chứng minh một bất đẳng thức đơn giản.
 | 2 | 6 | 2 |  |
| Giải bất phương trình bậc hai một ẩn | **Nhận biết:** * Nhớ được dạng bất phương trình bậc hai một ẩn

**Thông hiểu:** Giải được bất phương trình bậc hai một ẩn bằng phép toán và đồ thị**Vận dụng** * Vận dụng tìm giá trị lớn nhất nhỏ nhất.
* Vận dụng vào một số bài toán thực tế.
 | 2 | 3 | 2 |  |
| Phương trình quy về phương trình bậc hai | **Nhận biết:**Nhận biết nghiệm cho trước của một phương trình và **Thông hiểu:**Giải phương trình dạng và bằng phương pháp hệ quả. | 1 | 2 |  |  |
| **2** | Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng | Tọa độ của vectơ | **Nhận biết:** **-** Nhớ được biểu thức tọa độ của vectơ và tọa độ điểm.- Tọa độ trung điểm của một đoạn, trọng tâm của tam giác.- Nhớ biểu thức tọa độ của phép toán vectơ .**Thông hiểu:** - Viết được tọa độ của vectơ và tọa độ điểm trong bài toán có các phép toán vectơ. | 2 | 2 |  |  |
| Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ | **Nhận biết:** - Nhớ được định nghĩa vectơ chỉ phương, vectơ pháp tuyến của đường thẳng.- Nhớ được dạng phương trình tham số, phương trình tổng quát của đường thẳng.-Biết vị trí tương đối giữa hai đường thẳng .-Nhớ công thức góc giữa hai đường thẳng.-Nhớ công thức khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng.**Thông hiểu:** - Viết được phương trình tham số, phương trình tổng quát của đường thẳng khi biết một điểm thuộc đường thẳng và một vectơ chỉ phương hoặc một vectơ pháp tuyến. - Viết được phương trình đường thẳng song song và vuông góc với đường thẳng cho trước.- Tính được góc giữa hai đường thẳng cho trước.- Tính được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng cho trước.**Vận dụng:** **-** Tìm m để góc giữa hai đường thẳng hoặc khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng thỏa mãn điều kiện cho trước.**-** Vận dụng được các công thức khoảng cách từ một điểm đến đường thẳng để chọn lựa một phương án ngắn nhất trong một tình huống cụ thể . | 5 | 3 | 2 |  |
| Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ | **Nhận biết:** - Nhớ được phương trình đường tròn.-Nhớ phương trình tiếp tuyến của đường tròn tại một điểm.**Thông hiểu:** -Viết phương trình đường tròn khi biết tâm và bán kính, khi biết tâm và một điểm trên đường tròn.- Tìm tâm và bán kính khi biết phương trình đường tròn.**Vận dụng:** **-**Viết phương trình đường tròn khi biết đường kính, khi biết tâm và tiếp tuyến, khi biết 3 điểm trên đường tròn,…- Viết phương trình tiếp tuyến.**-** Vận dụng phương trình đường tròn áp dụng vào tình huống cụ thể. | 2 | 2 | 4 |  |
| Ba đường conic trong mặt phẳng tọa độ | **Nhận biết:** - Nhớ được định nghĩa ba đường conic.- Nhớ được phương trình chính tắc của ba đường conic .**Thông hiểu*** Viết phương trình 3 đường conic.
* Xác dịnh được tiêu điểm, đỉnh, tiêu cự, độ dài các trục, tham số tiêu.
 | 6 | 2 |  |  |
| **Tổng** |  | **20** | **20** | **10** |  |